

# THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC HÌNH PHẠT CHÍNH KHÔNG TƯỚC TỰ DO ĐỐI VỚI NGƯỜI PHẠM TỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

## PRACTICE OF APPLYING MAJOR NON-LIBERAL PENALTIES FOR OFFENDERS IN OUR COUNTRY TODAY

*Trần Hữu Tráng\**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/10/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/04/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/03/2022

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích làm rõ những kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do ở Việt Nam trong giai đoạn gần đây, đồng thời phân tích làm rõ những hạn chế nổi bật trong thực tiễn áp dụng các hình phạt không tước tự do, như Hội đồng xét xử thường áp dụng án treo thay vì áp dụng các hình phạt chính không tước tự do, các Hội đồng xét xử còn chưa tuân thủ triệt để các căn cứ khi quyết định hình phạt, hình phạt được áp dụng còn chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội. Nhận diện những hạn chế này chính là cơ sở quan trọng để khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các hình phạt chính không tước tự do.

**Từ khóa:** Áp dụng, Hình phạt chính, Cảnh cáo, Phạt tiền, Cải tạo không giam giữ, Trục xuất.

**Abstract:** The article analyzes and clarifies the results achieved in the practice of applying major non-liberal penalties in Vietnam in the recent period, as well as analyzing and clarifying the outstanding limitations in the practice of applying non-liberal penalties, such as the Trial Panels often applying suspended sentences instead of applying major non-liberal penalties, the Trial Panels have not fully complied with the grounds when deciding to impose penalties, the applied punishments and penalties are not suitable with the nature and dangerous level of the criminal acts. Recognizing these limitations is an important basis for improving the effectiveness of the practice of applying major non-liberal penalties.

**Keywords:** Application, Major penalties, Warning, Fine, Non-custodial reform, Expulsion.

### I. Dẫn nhập

Áp dụng hình phạt nói chung, các hình phạt không tước tự do nói riêng là hoạt động đặc biệt của Hội đồng xét xử

vì nếu áp dụng hình phạt theo hướng quá nghiêm khắc thì sẽ xâm phạm nghiêm trọng quyền con người, đi ngược với quan điểm, chính sách nhân đạo và hướng thiện

---

\* Khoa Luật - Trường Đại học Mở Hà Nội.

của Đảng và Nhà nước, làm cho người phạm tội cảm thấy bất công, chán nản, mất lòng tin vào công lý và không còn động lực để tích cực, nỗ lực cải tạo trở thành công dân tốt. Ngược lại, áp dụng hình phạt theo hướng quá nhẹ cũng không đạt được mục đích của hình phạt, làm cho người phạm tội cũng như những người khác coi thường các chế tài hình sự, làm gia tăng tội phạm. Thực tiễn áp dụng hình phạt nói chung, áp dụng các hình phạt không tước tự do nói riêng vẫn còn những hạn chế bất cập làm giảm hiệu quả của hình phạt, chưa đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm. Vì vậy, nghiên cứu làm rõ thực trạng áp dụng các hình phạt chính không tước tự do, nhất là làm rõ những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do sẽ giúp đề xuất biện pháp khắc phục hạn chế trong thực tiễn, từ đó nâng cao hiệu quả của các hình phạt chính không tước tự do.

## II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết dựa trên các lý thuyết về tội phạm và cấu thành tội phạm, lý thuyết về trách nhiệm hình sự và hình phạt, lý thuyết về áp dụng pháp luật, áp dụng pháp luật hình sự và áp dụng hình phạt.

### 2.1. Lý thuyết về tội phạm và cấu thành tội phạm

Lý thuyết về tội phạm và cấu thành tội phạm là một hệ thống lý luận nền tảng

trong Luật Hình sự Việt Nam, trong đó làm rõ những dấu hiệu (đặc điểm củatội phạm) và những yếu tố cấu thành tội phạm, gồm khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể củatội phạm, mặt chủ quan của tội phạm.Lý thuyết về tội phạm cũng bao gồm lý luận về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành, lý luận về đồng phạm, các căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự.<sup>†</sup>

### 2.2. Lý thuyết về trách nhiệm hình sự và hình phạt

Lý thuyết về trách nhiệm hình sự làm rõ lý luận về trách nhiệm hình sự mà người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trước Nhà nước về hành vi phạm tội của mình. Lý thuyết về hình phạt làm rõ hệ thống hình phạt được áp dụng cho cá nhân, pháp nhân thương mại.<sup>‡</sup>

### 2.3. Lý thuyết về áp dụng pháp luật

Lý thuyết về áp dụng pháp luật làm rõ áp dụng pháp luật là một trong bốn hình thức thực hiện pháp luật là tuân theo pháp luật (tuân thủ pháp luật), thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Lý thuyết về áp dụng pháp luật làm rõ các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật, các trường hợp cần áp dụng pháp luật, các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật.<sup>§</sup>

† Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.59-264; Nguyễn Ngọc Hòa (2008), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân, tr. 11-200.

‡ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr. 265-314; Trịnh Tiến Việt (2019), Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 11-216.

§ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Nxb. Tư pháp. tr. 401-412

#### **2.4. Lý thuyết về áp dụng pháp luật hình sự**

Lý thuyết về áp dụng pháp luật hình sự là nền tảng lý luận quan trọng bao gồm nhiều nền tảng lý luận hợp thành như lý luận về quy phạm pháp luật hình sự với tư cách là khách thể của áp dụng pháp luật hình sự; lý luận về áp dụng quy phạm pháp luật hình sự trong định tội danh, quyết định hình phạt, trong loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự cũng như trong áp dụng các biện pháp tư pháp<sup>¶</sup>.

#### **III. Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, nghiên cứu điển hình được sử dụng để làm rõ những kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do ở nước ta giai đoạn 2015-2021 cũng như tại các địa phương là Điện Biên và Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, nghiên cứu điển hình, nghiên cứu bản án, phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng để làm rõ những hạn chế trong thực tiễn áp dụng các hình

phạt chính không tước tự do ở nước ta giai đoạn 2015-2021.

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic được sử dụng để đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế trong thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do.

#### **IV. Kết quả và thảo luận**

##### **4.1. Các kết quả đạt được trong áp dụng các hình phạt chính không tước tự do**

Nhà nước với tư cách là đại diện chính thức của toàn xã hội, sử dụng quyền lực của xã hội giao cho “để bảo vệ các lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia, dân tộc và công dân của mình; duy trì trật tự xã hội”<sup>\*\*</sup>. Trong lĩnh vực Luật Hình sự, hình phạt thể hiện trách nhiệm của một chủ thể (cá nhân hoặc pháp nhân thương mại) đã thực hiện hành vi phạm tội phải chịu trước Nhà nước.<sup>††</sup> Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS), do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại (PNTM) phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, PNTM đó.<sup>‡‡</sup> Về mục đích của hình phạt, tuy còn

¶ Võ Khánh Vinh (2021), Áp dụng pháp luật hình sự, Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Nxb. Khoa học xã hội.

\*\* Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Sdd, tr.55.

†† Trịnh Tiến Việt, Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2019, tr. 33.

‡‡ Điều 30 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, Nxb. Lao động năm 2020, tr. 23.

nhiều tranh luận,<sup>§§</sup> tuy nhiên, theo cách diễn đạt hiện nay tại Điều 31 BLHS, hình phạt vừa có mục đích trừng trị người, PNTM phạm tội, vừa có mục đích giáo dục người, PNTM ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, đồng thời giáo dục người, PNTM khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Hệ thống hình phạt đối với người phạm tội được quy định tại Điều 32 BLHS gồm các hình phạt chính và các hình phạt

bổ sung. Các hình phạt chính không tước tự do gồm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Trục xuất.

Áp dụng hình phạt là hoạt động mang tính tổ chức, quyền lực của nhà nước do các cơ quan, người tiến hành tổ tụng thực hiện nhằm cá biệt hóa TNHS đối với từng cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội cụ thể.<sup>¶¶</sup>

Thống kê thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không tước tự do ở nước ta giai đoạn 2015-2021 cho thấy:

*Bảng 1. Thống kê áp dụng hình phạt chính ở Việt Nam giai đoạn 2015-2021*

Năm	Số vụ phạm tội	Số bị cáo	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Tù có thời hạn (kể cả cho hưởng án treo)	Chung thân, tử hình
2015	61158	106974	66	6490	3652	0	96167	599
2016	60343	97830	64	5398	3073	0	88658	637
2017	58312	95723	32	5011	3721	0	86284	675
2018	58587	98426	97	5450	4397	7	87671	804
2019	62514	104116	135	6283	4846	10	91860	982
2020	64079	110489	127	7094	5436	20	96842	970
2021	63807	109162	119	6574	5274	39	96185	971
Tổng	428800	722720	640	42300	30399	76	643667	5638
Tỷ lệ %	-	100	0.09	5.85	4.21	0.01	89.06	0.78

Bảng 1 cho thấy, hình phạt tù có thời hạn chiếm đa số tuyệt đối với 643.667 người trong tổng số 428.800 người phạm tội (chiếm tỷ lệ 89,06%); tiếp theo là hình phạt tiền là 42.300 người phạm tội (chiếm tỷ lệ 5,85%); Hình phạt cải tạo

*Nguồn: Thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.*

không giam giữ có 30.399 người (chiếm tỷ lệ 4,21%); Hình phạt chung thân, tử hình là 5.638 người (chiếm 0,78%); Hình phạt cảnh cáo là 640 người (chiếm 0,09%) Hình phạt trục xuất là 76 người (chiếm 0,01%).

§§ PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn cho rằng, “Hình phạt có mục đích đảm bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm” (Xem: Hồ Sỹ Sơn, *Sự trừng trị trong Luật Hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật – số 6/2020, tr.20-24); PGS. TS. Trịnh Tiến Việt cho rằng hình phạt có ba mục đích: (1) Trừng trị và giáo dục người, PNTM phạm tội; (2) Giáo dục người, PNTM khác tôn trọng pháp luật; (3) Phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm (Xem Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và loại trừ TNHS*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2019, tr.129-231).

¶¶ Xem Võ Khánh Vinh, Chính sách pháp luật, Giáo trình sau đại học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2020, tr. 54.

BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đã thể hiện xu hướng nhân đạo và hướng thiện rõ hơn rất nhiều so với BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2019.\*\*\* Tuy nhiên, có thể thấy xu hướng này chưa được thể hiện trong thực

tiễn áp dụng hình phạt. Có thể thấy rõ điều này khi so sánh giữa hai giai đoạn: Giai đoạn 2018- 2021 khi BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 có hiệu lực so với giai đoạn 2015-2017 trước khi BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 có hiệu lực.

*Bảng 2. So sánh hình phạt chính giai đoạn 2015-2017 với giai đoạn 2018-2021*

Giai đoạn	Số vụ phạm tội	Số bị cáo	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Tù có thời hạn (kể cả cho hưởng án treo)	Chung thân, tử hình
2015-2017	179813	300527	162	16899	10446	0	271109	1911
Tỷ lệ %	-	100	0.05	5.62	3.48	0.00	90.21	0.64
2018-2021	248987	422193	478	25401	19953	76	372558	3727
Tỷ lệ %	-	100	0.11	6.02	4.73	0.02	88.24	0.88

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

Kết quả Bảng 2 so sánh giai đoạn 2018-2021 với giai đoạn 2015-2017 cho thấy, trong số các hình phạt thì chỉ duy nhất tỷ lệ hình phạt tù có giảm từ 90,21% xuống còn 88,24%, còn tất cả các loại hình phạt khác đều tăng, nhưng tỷ lệ tăng không đáng kể, trong đó hình phạt cảnh cáo tăng 0,6%, hình phạt tiền tăng 0,4%, hình phạt trục xuất tăng 0,02%. Như vậy, các hình phạt chính không tước tự do (cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục

xuất) giai đoạn 2018-2021 là 10,87%, so với giai đoạn 2015-2017 là 9,15% thì chỉ tăng 1,72%. Đây là một sự thay đổi không đáng kể, chưa phản ánh được rõ nét xu hướng nhân đạo và hướng thiện đã được thể hiện rất rõ trong BLHS.

Để thấy rõ hơn tình hình áp dụng các hình phạt chính không tước tự do, có thể tham khảo thêm số liệu từ một số địa phương và một số loại, nhóm tội cụ thể sau đây:

*Bảng 3. Thống kê tình hình áp dụng hình phạt tại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015-2021*

Năm	Số vụ phạm tội	Số bị cáo	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Phạt tù cho hưởng án treo	Tù có thời hạn	Chung thân/ Tử hình
2015	678	816	0	30	26	0	81	664	15
2016	909	1098	0	11	15	0	78	969	25
2017	883	1151	1	21	29	0	67	1001	32
2018	734	884	0	12	14	0	43	797	18
2019	878	1068	0	24	19	0	58	921	46
2020	1092	1370	0	3	42	0	52	1203	70

\*\*\* Trần Hữu Tráng, Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học kiểm sát – Số 06/ 2018, tr.10-20.

Năm	Số vụ phạm tội	Số bị cáo	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Phạt tù cho hưởng án treo	Tù có thời hạn	Chung thân/ Tử hình
2021	1101	1302	0	33	33	0	54	1112	70
Tổng	6275	7689	1	134	178	0	433	6667	276
Tỷ lệ %	-	100.00	0.01	1.74	2.31	0.00	5.63	86.71	3.59

Nguồn: Thống kê của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Điện Biên

Số liệu thống kê tại Bảng 3 cho thấy, việc áp dụng hình phạt tại tỉnh Điện Biên cũng tương đối phù hợp với xu hướng chung của cả nước, nhưng có phần nghiêm khắc hơn. Cụ thể, hình phạt tù tại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015-2021 cũng chiếm tỷ lệ gần tuyệt đối với 7100 người (tỷ lệ 92,34%). So với tỷ lệ chung của cả nước là 89,06% thì tỷ lệ này cao hơn 3,28%. Tỷ lệ áp dụng hình phạt tiền ở Điện Biên chỉ chiếm 1,74% thấp hơn nhiều so với tỷ lệ này trong cả nước (Tỷ lệ

áp dụng hình phạt tiền cả nước là 5,85%). Đáng chú ý cả giai đoạn 2015-2021 chỉ có 01 bị cáo được áp dụng hình phạt cảnh cáo (chiếm 0,01%) và 178 người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ (chiếm 2,31%) thấp hơn nhiều so với tỷ lệ chung của cả nước trong áp dụng các loại hình phạt chính không tước tự do.

Khảo cứu tình hình áp dụng hình phạt về tội đánh bạc tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 cho thấy:

Bảng 4. Thống kê tình hình áp dụng hình phạt về tội đánh bạc tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020

Năm	Số vụ phạm tội	Số bị cáo	Miễn TNHS	Hình phạt cảnh cáo	Hình phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Phạt tù cho hưởng án treo	Tù có thời hạn	Chung thân/ Tử hình
2016	243	1071	176	0	9	0	0	391	495	0
2017	154	558		0	3	1	0	279	275	0
2018	163	707		2	12	13	0	355	325	0
2019	216	862		19	90	16	0	369	368	0
2020	255	1053	1	7	98	77	0	416	454	0
Tổng	1031	4251	177	28	212	107	0	1810	1917	0
Tỷ lệ %	-	100.00	4.16	0.66	4.99	2.52	0.00	42.58	45.10	0.00

Nguồn: Thống kê của TAND Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 4 cho thấy, nhìn chung việc áp dụng hình phạt cho tội đánh bạc cũng tương tự xu hướng chung của cả nước, trong đó số người bị áp dụng hình phạt tù (kể cả hình phạt tù cho hưởng án treo) là 3.727 người (chiếm 87,68%). Hình phạt tiền đối với tội này cũng chỉ chiếm tỷ lệ chưa đến 5%. Đáng chú ý là số lượng người được

miễn trách nhiệm hình sự (TNHS) tương đối nhiều với 177 người (chiếm 4,16%). Tuy nhiên, số lượng này lại chủ yếu chỉ tập trung ở năm 2016. Nguyên nhân chính của việc miễn TNHS là vì BLHS năm 2015 ban hành đã nâng mức tiền tối thiểu phải chịu TNHS của tội đánh bạc từ hai triệu đồng lên năm triệu đồng. Nghị quyết số

144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và một số luật khác, tại khoản 4 Điều 1 có quy định “*Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13*”. Với tinh thần thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng quy định có lợi để miễn TNHS cho các trường hợp phạm tội đánh bạc với mức tiền dưới năm triệu đồng nên số lượng người được miễn TNHS chỉ tập trung trong năm 2016.

#### **4.2. Những hạn chế trong áp dụng các hình phạt chính không tước tự do**

- Thứ nhất, các Hội đồng xét xử (HĐXX) thường áp dụng án treo thay vì áp dụng các hình phạt chính không tước tự do.

Nhìn vào số liệu thống kê về hình phạt nêu trên cho thấy, số người bị xử phạt tù cho hưởng án treo thường lớn hơn nhiều số người bị xử phạt các hình phạt không tước tự do. Ví dụ, ở Điện Biên giai đoạn 2015-2021, có đến 433 người bị xử phạt tù cho hưởng án treo (chiếm 5,63%), trong khi chỉ có 313 người bị xử phạt các hình phạt chính không tước tự do (chiếm tỷ lệ 4,06%); ở Thành phố Hồ Chí Minh, số bị phạt tù cho hưởng án treo đối với tội đánh

bạc giai đoạn 2016-2020 là 1.810 người (chiếm tỷ lệ 42,58%), trong khi số người bị xử phạt các hình phạt không tước tự do chỉ có 524 người (chiếm tỷ lệ 12,33%). Điều này cho thấy tâm lý chung của Hội đồng xét xử chưa mạnh dạn áp dụng các hình phạt không tước tự do mà thay vào đó là áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo. Nguyên nhân của tình trạng này là do

Có thể thấy rõ điều này qua bản án sau: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 21/7/2021, tại nhà bà Trương Thị L ở thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, sáu người là: Trần K, Nguyễn Văn Q, Đặng Minh L, Dương Thái H, Đinh Văn L và Đặng Ngọc Đ đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức Poker thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng đã bị tổ tuần tra Công an thành phố Đ phối hợp với Công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 02 bộ bài tứ lơ khơ và số tiền 5.010.000 đồng. Thu giữ số tiền 330.000 đồng trên người Đặng Minh L xác định được dùng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.340.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo Trần K bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn Q bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Đặng Minh L bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Dương Thái H bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Đinh Văn L bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Đặng Ngọc Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt tiền mỗi bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung nộp ngân sách Nhà nước.†††

††† Bản án số 91/2021/HS-ST ngày 23/11/2021 của TAND TP Đồng Hới tỉnh Quảng Bình. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC tại địa chỉ: <https://congboaban.toaan.gov.vn/2ta809615t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

Phân tích Bản án trên cho thấy, với nhận định đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn; các bị cáo đều là người thực hành, có vai trò ngang nhau; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, tuy nhiên, HĐXX lại không áp dụng các hình phạt không tước tự do như phạt tiền, cải tạo không giam giữ mà lại áp dụng hình phạt tù là chưa phù hợp với chính sách hình sự nhân đạo và hướng thiện của Đảng và Nhà nước ta.

*Thứ hai, các HĐXX chưa tuân thủ triệt để các căn cứ khi quyết định hình phạt.*

BLHS đã quy định rõ, “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự*”.<sup>‡‡‡</sup> Tuy nhiên, trong thực tiễn, nhiều HĐXX chưa vận dụng một cách đầy đủ, chính xác các căn cứ để quyết định hình phạt. Trong vụ án nêu trên, HĐXX nhận định, ngoài các tình tiết có chung của 6 bị cáo thì bị cáo K có mẹ là bà Trần Thị H là thương binh loại B thương tật 4/4 215 vĩnh viễn. Vì vậy K có thêm tình tiết giảm nhẹ được ghi vào bản án theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Tương tự, bị cáo L có bố là ông Đặng Văn S được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do đó, đây cũng là một tình tiết giảm nhẹ. Hơn nữa, bị cáo L là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo mới chết. Với hoàn cảnh như vậy, bị cáo L rất cần nhận được áp dụng hình phạt không tước tự do để có điều kiện ở nhà chăm sóc bố mẹ và các con thay cho người vợ mới mất của mình. Rõ ràng, với các tình tiết này các bị cáo K và L phải được nhận hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác trong vụ án. Tuy nhiên, HĐXX vẫn tuyên

cả 6 bị cáo mức hình phạt ngang nhau (kể cả hình phạt bổ sung) là rất bất hợp lý, vừa không bảo đảm chính sách nhân đạo, hướng thiện, vừa không bảo đảm phân hóa TNHS trong áp dụng hình phạt.

Mặt khác, kể cả trong trường hợp bị cáo K và L không có các tình tiết thuộc về gia đình như đã nêu ở trên thì mỗi bị cáo đều có những tình tiết nhân thân khác nhau, sinh ra và lớn lên trong các điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, có các quan điểm, lối sống khác nhau, chịu sự giáo dục và những tác động môi trường khác nhau, ảnh hưởng đến hành vi phạm tội cũng như quá trình giáo dục, cải tạo để hòa nhập xã hội. Vì vậy một trong các căn cứ khi quyết định hình phạt là “*cân nhắc nhân thân người phạm tội*” đã chưa được HĐXX vận dụng một cách khoa học và toàn diện. Đây cũng là một hạn chế nói chung của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tiến hành tố tụng khi chỉ hiểu nhân thân người phạm tội là một số đặc điểm nhân thân nêu trong một số điều luật. Hiểu như vậy là chưa đầy đủ bởi nếu chỉ hiểu nhân thân người phạm tội chỉ là phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ... thì không thể phát hiện và khắc phục được nguyên nhân, điều kiện phạm tội như yêu cầu của Điều 6 BLTTHS, đồng thời cũng chưa thể làm rõ được nội dung cần phải chứng minh trong vụ án hình sự như quy định tại khoản 5 Điều 85 BLTTHS, càng không thể đánh giá được tính chất, mức độ nguy hiểm của HVPT và xu hướng tự cải tạo trong tương lai của người phạm tội.

Thêm vào đó, trong vụ án nêu trên, việc HĐXX tuyên hình phạt bổ sung cho 06 bị cáo cùng một mức tiền 15 triệu đồng là rất bất hợp lý. Hình phạt chính hay hình phạt bổ sung đều nhằm đạt được các mục đích đã quy định rõ trong BLHS. Các mục đích này chỉ đạt được khi hình phạt tương

<sup>‡‡‡</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, phần chung, Nxb. Công an nhân dân, tr.317.



xứng (phù hợp) với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Như trên đã phân tích, mặc dù hành vi của cả 06 bị cáo đều có những điểm chung, nhưng nếu phân tích kỹ thì chắc chắn các hành vi của sáu người không thể có cùng mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó không thể tuyên một mức hình phạt “số học” theo “công thức chung” cho cả sáu bị cáo, mà cần phân tích, đánh giá từng trường hợp cụ thể để quyết định một mức hình phạt phù hợp nhất.

- Thứ ba, hình phạt được áp dụng chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội.

Thực tiễn áp dụng hình phạt nói chung, các hình phạt không tước tự do nói riêng cho thấy tình trạng hình phạt được áp dụng chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Có thể thấy rõ điều này khi phân tích hai vụ án sau đây:

- (Bản án số 01): Bản án số 45/2021/HS-ST, ngày 23/9/2021 của TAND thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên: Nguyễn Văn M rủ Vũ Đình C, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Th đánh bạc ăn tiền thì tất cả đồng ý. C bảo tất cả sang nhà Nguyễn Văn T1 để đánh bạc. Đến nhà T1, C nói với T1 cho cả nhóm đánh bài thì T1 đồng ý và dẫn lên tầng 2. Tại đây, T1 đi lấy bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài. M, S, C và Th ngồi xuống chiếu và thống nhất chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi Liêng. Chơi được một lúc thì cả nhóm bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H phối hợp cùng Công an xã D Q bắt quả tang. Thu tại chiếu bạc tổng số tiền 7.600.000 đồng (gồm: Thu tại vị trí Th ngồi 2.000.000 đồng, S ngồi 400.000 đồng, C ngồi 1.400.000 đồng, M ngồi 3.400.000 đồng và thu giữa chiếu bạc

số tiền 400.000 đồng). Tại túi quần trên người M số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi bị bắt Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp số tiền 300.000 đồng (do nhóm đánh bạc đưa) cho cơ quan điều tra. HĐXX tuyên phạt: Vũ Đình C 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 04/9/2021. Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Nguyễn Văn Th; Nguyễn Văn S mỗi bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.<sup>§§§</sup>

- (Bản án số 02): Bản án số 52/2021/HSST, ngày 10/11/2021 của TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam: Khoảng 16 giờ 30, ngày 06/4/2021, Nguyễn Thị Minh D, Nguyễn Thị H, Lê Thị A và Huỳnh Thị L rủ nhau chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức bài “xì lát” tại nhà bà Trần Thị B. Sau khi thống nhất cách chơi, Nguyễn Thị Minh D là người cầm cái, những người còn lại đặt cược mỗi ván 10.000 đồng. Khi cả nhóm đang chơi ván thứ ba thì bị Công an xã Đ, huyện Đ phát hiện, lập biên bản sự việc, thu giữ tại sòng bạc số tiền 50.000 đồng; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá. Thu giữ của các đối tượng tham gia đánh bạc tổng số tiền 2.120.000 đồng (trong đó: Nguyễn Thị Minh D 500.000 đồng; Huỳnh Thị L 1.520.000 đồng; Lê Thị A 100.000 đồng). Trước đó, ngày 03/7/2020, Nguyễn Thị Minh D đã bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Hội đồng xét xử tuyên phạt:

§§§ Bản án số 45/2021/HS-ST, ngày 23/9/2021 của TAND thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC tại địa chỉ: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn1/Tra-cu-ban-an>.

Bị cáo Nguyễn Thị Minh D 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.<sup>¶¶¶</sup>

Bị cáo Nguyễn Thị Minh D (Bản án số 02) cùng H, L, A rủ nhau chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền. Khi chơi, D là người cầm cái. Mặt khác, ngày 03/7/2020, Nguyễn Thị Minh D đã bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Tính đến thời điểm phạm tội (ngày 16/4/2021) mới chưa được 9 tháng kể từ thời điểm bị xử phạt. Trong khi bị cáo T1 (Bản án số 01) là người không trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc. Bị cáo chỉ có lỗi khi đồng ý cho bị cáo C mượn địa điểm nhà ở của mình để các đối tượng đánh bạc. Bị cáo T1 không chủ động yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ đưa tiền cho mình mà các bị cáo tự nguyện và chủ động đưa tiền hồ (300.000 đồng) cho bị cáo T1. Bị cáo T1 chỉ là người tạo điều kiện về địa điểm và phương tiện (bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài) cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc, đồng thời bị cáo T1 cũng được hưởng lợi 300.000 đồng từ việc cho các bị cáo khác đánh bạc. Như vậy bị cáo T1 chỉ là đồng phạm với vai trò giúp sức. Bị cáo T1 có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có công việc và thu nhập ổn định. Sau khi phạm tội, T1 cũng đã nộp lại 300.000 đồng.

So sánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của HVPT của D và T1 trong hai vụ án trên cho thấy, tính nguy hiểm trong HVPT của D (vụ án số 02) cao hơn T1 (vụ án

số 01) rất nhiều. Tuy nhiên, các HĐXX của hai vụ án này đều tuyên mức hình phạt cho D và T1 bằng nhau là 9 tháng cải tạo không giam giữ. Điều này có nghĩa là các HĐXX đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội trong HVPT của D và T1 là như nhau. Điều này rất bất hợp lý và thiếu thuyết phục. Mặt khác, xét thấy HVPT của các bị cáo trong các vụ án này đều phạm tội ít nghiêm trọng, hoàn toàn có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính thay cho hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù.

## V. Kết luận

Từ những hạn chế nêu trên cho thấy, để nâng cao hiệu quả áp dụng các hình phạt chính không tước tự do, giải pháp quan trọng nhất là tăng cường năng lực của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh cần phải “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên phải thực sự liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*”.<sup>\*\*\*\*</sup> Đội ngũ tiến hành tố tụng trước hết cần phải đổi mới căn bản tư duy trong áp dụng hình phạt. Cần phải xác định đúng đắn và đầy đủ mục đích của hình phạt cũng như bản chất, vai trò, ý nghĩa của mỗi hình phạt để áp dụng chính xác

<sup>¶¶¶</sup> Bản án số 52/2021/HSST, ngày 10/11/2021 của TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC tại địa chỉ: <https://congboaban.toaan.gov.vn/0t15at1cvn1/Tra-cu-ban-an>.

<sup>\*\*\*\*</sup> Bộ chính trị, Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

nhất nhằm phát huy tối đa hiệu quả của các hình phạt này. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cần loại bỏ quan điểm tuyệt đối hóa vai trò trừng trị của hình phạt để có thể lựa chọn được loại và mức hình phạt không tước tự do phù hợp nhất với từng người phạm tội. Tòa án cần chú trọng hơn nữa công tác đào tạo kỹ năng và đạo đức hành nghề cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Cần tăng cường rèn luyện bản lĩnh nghề nghiệp của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong điều hành phiên tòa, nắm vững và vận dụng chính xác các quy định của pháp luật và tăng cường khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong áp dụng hình phạt. Xây dựng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thật sự có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần kiên quyết đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lương tâm, trách nhiệm, tận tụy và sáng tạo trong công việc, bảo đảm hiệu quả cao nhất. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải quyết định hình phạt dựa trên kinh nghiệm, kỹ năng và niềm tin nội tâm chứ không để phụ thuộc vào dư luận xã hội và các tác động khác. Cần kiên quyết xóa bỏ các tư tưởng cầu toàn, xử lý quá nặng để tránh dư luận xã hội nhưng lại ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội, từ đó làm mất động lực, quyết tâm hoàn lương của họ, qua đó sẽ giảm hiệu quả của hình phạt cũng như không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

**Tài liệu tham khảo:**

[1]. Bản án số 45/2021/HS-ST, ngày 23/9/2021 của TAND thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC

tại địa chỉ: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn1/Tra-cu-ban-an>.

[2]. Bản án số 52/2021/HSST, ngày 10/11/2021 của TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC tại địa chỉ: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn1/Tra-cu-ban-an>.

[3]. Bản án số 91/2021/HS-ST ngày 23/11/2021 của TAND TP Đồng Hới tỉnh Quảng Bình. Nguồn: Công thông tin điện tử của TANDTC tại địa chỉ: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta809615t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

[4]. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, Nxb. Lao động năm 2020.

[5]. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân.

[6]. Hồ Sỹ Sơn, Sự trừng trị trong Luật Hình sự, Tạp chí Nhà nước và pháp luật – số 6/2020, tr.20-24);

[7]. Trần Hữu Tráng, Xu hướng nhân đạo và hướng thiện trong áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học kiểm sát – Số 06/2018, tr.10-20

[8]. Trịnh Tiến Việt (2019), Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, phần chung, Nxb. Công an nhân dân.

[10]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

[11]. Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật, Giáo trình sau đại học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[12]. Võ Khánh Vinh (2021), Áp dụng pháp luật hình sự, Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Nxb. Khoa học xã hội.

**Địa chỉ tác giả: Khoa luật - Trường Đại học Mở Hà Nội**

**Email: huutrangstran@hou.edu.vn**

